

KINH TẶNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 33

Phẩm 39: ĐẰNG PHÁP

KINH SỐ 1¹

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp, ở trong hiện tại thọ lạc vô cùng, muốn dứt sạch các lậu, cũng có thể được. Những gì là bảy pháp? Ở đây, Tỳ-kheo biết pháp, biết nghĩa, biết thời, lại có thể tự biết, lại có thể biết đủ, lại biết và đại chúng, quán sát người². Đó gọi là bảy pháp.

Sao gọi là Tỳ-kheo biết pháp? Ở đây, Tỳ-kheo biết pháp là chỉ Khế kinh, Kỳ-dạ, Kệ, Nhân duyên, Ví dụ, Bản mạt, Quảng diễn, Phương đẳng, Vị tăng hữu, Quảng phổ, Thọ quyết, Sinh kinh. Tỳ-kheo không biết pháp, không biết mười hai bộ kinh, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo này có thể hiểu rõ pháp nên gọi là biết pháp. Như vậy, Tỳ-kheo hiểu rõ pháp.

Sao gọi là Tỳ-kheo biết nghĩa? Ở đây, Tỳ-kheo biết ý thú của Như Lai, hiểu rõ nghĩa sâu, không có điều gì nghi ngờ. Tỳ-kheo không hiểu nghĩa, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo này có thể biết nghĩa sâu nên gọi là hiểu nghĩa. Như vậy, Tỳ-kheo có thể phân biệt nghĩa.

Sao gọi là Tỳ-kheo biết thời nghi? Ở đây, Tỳ-kheo biết thời tiết khi nên tu Quán thì tu Quán, khi nên tu Chỉ thì tu Chỉ, nên im lặng biết im lặng, nên đi biết đi, nên tụng biết tụng, nên trao người trước liền trao cho người trước, nên nói biết nói. Tỳ-kheo không biết những việc ấy, không biết thích hợp tu Chỉ, tu Quán, tiến, dừng, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Tỳ-kheo biết thời tiết ấy thì không để mất thời cơ thích hợp, đó gọi là biết tùy thời thích hợp. Tỳ-kheo như vậy là biết thời nghi.

Sao gọi là Tỳ-kheo có thể sửa mình? Ở đây, Tỳ-kheo có thể tự biết mình, nay ta có sự thấy, nghe, nghĩ, biết này, có trí tuệ như vậy,³ đi, bước, tiến, dừng thường theo chánh pháp. Tỳ-kheo không thể tự biết thích ứng theo trí tuệ mà ra, vào, đi, đến, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo này có thể tự tu, tiến, dừng đều thích hợp, đây gọi là tự biết tu dưỡng. Đó gọi là Tỳ-kheo tự biết mình.

¹. Pāli, A.VII. 68 Dhammaññū (R.iv. 113). Hán, *Trung*, kinh 1.

². Pāli: Dhammaññū (biết pháp), atthaññū (biết nghĩa), attaññū (biết mình), mattaññū (biết tiết độ), kālaññū (biết thời), parisāññū (biết đại chúng), puggalaparoparaññū (biết sự cao thấp của người). *Trung*, k.1: Tri pháp 知法, tri nghĩa 知義, tri thời 知時, tri tiết 知節, tri kỹ 知己, tri chúng 知眾, tri nhân thắng như 知人勝如.

³. *Trung*, ibid.: Tỳ-kheo biết mình: “Ta có tín, giới, thí, vãn, huệ như vậy...” Pāli: Bhikkhu attānaṃ jānāti-’ettakomhi saddhāya sīlena sutena cāgena paññāya paṭibhānenā’ti.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Sao gọi là Tỳ-kheo biết vừa đủ? Ở đây, Tỳ-kheo có thể tự điều hòa việc ngủ nghỉ, tỉnh thức, ngồi, nằm, kinh hành, cách tiến dừng, đều có thể biết dừng đúng lúc. Tỳ-kheo không thể biết những việc ấy thì chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo này hiểu rõ những việc này nên gọi là biết đủ. Tỳ-kheo như vậy gọi là Tỳ-kheo biết vừa đủ.

Sao gọi là Tỳ-kheo biết vào đại chúng? Ở đây, Tỳ-kheo phân biệt đại chúng: Đây là dòng Sát-lợi, đây là chúng Bà-la-môn, đây là chúng Trưởng giả, đây là chúng Sa-môn. Ta nên dùng pháp này mới thích hợp với chúng ấy, nên nói hay nên im lặng, tất cả đều biết. Tỳ-kheo không biết vào chúng, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo ấy biết vào đại chúng nên gọi là biết vào chúng. Đó gọi là Tỳ-kheo biết vào đại chúng.

Sao gọi là Tỳ-kheo biết căn nguyên mọi người? Tỳ-kheo nên biết có hai hạng người. Những gì là hai? Hoặc có một người muốn đến già-lam để thân cận Tỳ-kheo; người thứ hai không thích đến đó gặp gỡ Tỳ-kheo. Người muốn đến trong vườn kia, thân cận Tỳ-kheo, là người tối thượng.

Này Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Một người, tuy đến chỗ Tỳ-kheo song không tùy thích hợp mà hỏi; người thứ hai cũng không đến trong chùa gặp Tỳ-kheo. Người đến chùa kia là hơn hết.

Này Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Một người, đến chỗ Tỳ-kheo tùy thích hợp mà hỏi; người thứ hai, họ không đến chỗ Tỳ-kheo hỏi điều thích hợp. Người đến chùa kia là đệ nhất tối tôn, vượt lên trên người kia.

Này Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Một người đến chỗ Tỳ-kheo hết lòng nghe pháp; người thứ hai không đến chỗ Tỳ-kheo, không hết lòng nghe pháp. Người (hết lòng nghe pháp) kia là người hơn hết.

Này Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Có một người, có thể quán sát pháp, thọ trì, đọc tụng; người thứ hai, họ không thể thọ trì, đọc tụng. Người có thể thọ trì kia, là đệ nhất tối thượng.

Này Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Có một người nghe pháp liền hiểu nghĩa; người thứ hai, họ nghe pháp mà không hiểu nghĩa. Người này là tối thượng.

Này Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Có một người, nghe pháp liền thành tựu pháp tùy pháp; người thứ hai, họ không nghe pháp, không thành tựu pháp tùy pháp. Người nghe pháp kia, thành tựu pháp tùy pháp. Người này là tối tôn đệ nhất.

Này Tỳ-kheo, lại có hai người. Những gì là hai? Một người, nghe pháp có thể kham nhẫn tu hành, phân biệt hộ trì chánh pháp; người thứ hai không thể kham nhẫn tu hành pháp kia. Người có thể kham nhẫn tu hành pháp kia, là tối tôn đệ nhất. Giống như bò có lạc, do lạc có tô, do tô có đề hồ là tối tôn đệ nhất không gì bằng. Ở đây cũng vậy, nếu người nào có thể tu hành thì người này là tối đệ nhất, không ai sánh kịp.

Đó gọi là Tỳ-kheo quán sát căn nguyên của người. Nếu có người nào không rõ điều này thì chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo kia nghe pháp, phân biệt nghĩa nó, đó là tối thượng. Tỳ-kheo như vậy là biết quán sát căn nguyên của người.

Nếu có Tỳ-kheo nào thành tựu bảy pháp này, ngay trong hiện pháp an lạc vô vi, ý muốn đoạn trừ lậu cũng không khó khăn. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bảy pháp này.

Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2⁴

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn cây Cấp cô độc, rừng Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Cây Trú đặc⁵ trên trời Tam thập tam có gốc dọc ngang năm mươi do-tuần, cao một trăm do-tuần, bóng râm che Đông, Tây, Nam, Bắc năm mươi do-tuần. Trời Tam thập tam vui chơi nhau ở đó bốn tháng. Tỳ-kheo nên biết, đến một lúc hoa lá cây Trú đặc ấy úa vàng, rơi rụng trên mặt đất. Chư Thiên bấy giờ thấy điềm ứng này, tất cả đều hoan hỷ, tình vui phát sinh: “Cây này không bao lâu sẽ sinh ra hoa đầy trở lại.”

Tỳ-kheo nên biết, đến một lúc hoa của cây này tất cả đều rơi rụng xuống đất. Bấy giờ, trời Tam thập tam lại càng hoan hỷ tự bảo với nhau rằng: “Cây này không bao lâu sẽ trở thành màu tro.”

Tỳ-kheo nên biết, qua một thời gian nữa cây ấy liền thành màu tro. Lúc này, trời Tam thập tam thấy cây này biến thành màu tro rồi, lòng rất vui mừng tự bảo với nhau rằng: “Nay, cây này đã biến màu tro, không lâu sẽ nảy chồi.”⁶

Bấy giờ, trời Tam thập tam thấy cây Trú độ này đã nảy chồi, không bao lâu nữa sẽ sinh nụ. Bấy giờ, trời Tam thập tam thấy rồi, chư Thiên lại hoan hỷ: “Hôm nay cây này đã sinh nụ, không bao lâu lại sẽ nở đầy.”

Tỳ-kheo nên biết, trời Tam thập tam thấy rồi, cây này từ từ nở đầy, lòng chư Thiên đều hoan hỷ: “Cây này đã dần dần nở đầy, không lâu sẽ đĩnh đầy hoa.”

Tỳ-kheo nên biết, đến một lúc cây ấy nở đầy khắp, lòng chư Thiên tất cả đều hoan hỷ: “Hôm nay, cây này nở đầy hoa.” Bấy giờ, hương của nó bay ngược gió trong vòng trăm do-tuần, không đâu không nghe mùi thơm. Bấy giờ, chư Thiên cùng nhau vui chơi ở đó bốn tháng, vui không thể nói hết.

Ở đây cũng vậy, đệ tử Hiền thánh khi phát ý muốn xuất gia học đạo, cũng giống như cây này bắt đầu muốn úa rụng lá.

Lại nữa, đệ tử Hiền thánh xả bỏ vợ con, tài sản, với lòng tin kiên cố cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, giống như lá cây kia rụng xuống đất.

Tỳ-kheo nên biết, đệ tử Hiền thánh không tưởng tham dục, trừ pháp bất thiện, niệm giữ hoan hỷ, chí an trú Sơ thiền, như cây Trú đặc thành màu tro.

Lại nữa, đệ tử Hiền thánh có giác, có quán,⁷ nội tĩnh,⁸ có hoan hỷ, chuyên chú nhất tâm, không giác, không quán, tâm an trú Nhị thiền, như cây kia nảy chồi.

Lại nữa, đệ tử Hiền thánh, vô niệm,⁹ mà có xả¹⁰ tự biết thân có lạc, điều mà chư Hiền thánh mong cầu, xả* niệm đầy đủ, tâm an trú Tam thiền, giống như cây kia sinh nụ.

4. Pāli, A.VII. 69. Pārichattaka. Hán, *Trung*, kinh 2.

5. Trú đặc thọ 晝度樹. Pāli: Parichattaka.

6. Sinh la võng 生羅網. Pāli: Jālakajāta. Hán hiểu là jāla-jāta: Sinh lưới, thay vì jālaka-jāta, sinh chồi non.

7. Giác, quán, hay tầm tứ (Pāli: Vitakka-vicāra), bản Hán chép nhầm. Sơ thiền có giác, có quán, hay có tầm có tứ (Pāli: Savitakkaṃ savicāraṃ); nhưng Nhị thiền không có giác-quán, hay không có tầm tứ (Pāli: Avitakkaṃ avicāraṃ).

8. Nguyên Hán: Túc nội 息內. Pháp uẩn (tr. 482a): Nội đẳng tịnh 內等淨. Pāli: Vūpasama.

9. Để bản chép sót chữ vô. TNM: Vô niệm. Pháp uẩn, ibid.: Ly hỷ. Tam thiền không hỷ, nên gọi là “Ly hỷ diệu lạc địa”. Pāli: Pītiyā ca virāgā.

10. Để bản: Hữu hộ 有護. *Pháp Uẩn*, ibid.: Trú xả 住捨.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Lại nữa, đệ tử Hiền thánh đã hết khổ lạc, sâu ưu trước đó không còn, không khổ, không lạc, xả* niệm thanh tịnh, chí an trú ở Tứ thiền, giống như cây kia dần dần mở đầy.

Lại nữa, đệ tử Hiền thánh dứt sạch hữu lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, ở trong hiện pháp tự thân chứng ngộ, như thật biết rằng, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh nữa, điều đó giống như cây kia nở hoa đầy khắp.

Bấy giờ, hương giới đức của đệ tử Hiền thánh nghe khắp bốn phương, không ai không ca ngợi. Trong bốn tháng tự hưởng vui thích, tâm an trú Tứ thiền, bản hạnh đầy đủ. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu hương giới đức.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 3¹¹

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay Ta sẽ nói bầy dụ về nước. Con người cũng như vậy. Hãy lắng nghe! Lắng nghe và suy nghĩ kỹ!

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa vâng, Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

–Sao gọi là bầy dụ về nước mà tựa người? Giống như có người chìm ở đáy nước; lại có người tạm ngoi khỏi nước rồi lại chìm xuống; có người nổi lên khỏi nước rồi nhìn xem; lại có người nổi lên khỏi nước rồi đứng yên; có người bơi đi trong nước; có người nổi lên khỏi nước rồi muốn đến bờ kia; lại có người đã đến bờ kia.

Này các Tỳ-kheo, đó gọi là bầy việc dụ về nước xuất hiện ở đời.

Sao gọi là người chìm dưới đáy nước không nổi lên được? Ở đây, hoặc có người mà toàn thể đầy khắp pháp bất thiện, trải qua nhiều kiếp, không thể chữa trị. Đó gọi là người chìm dưới đáy nước.

Sao gọi là người nào nổi lên khỏi nước rồi chìm lại? Hoặc có người mà tín căn dần mai một, tuy có pháp lành nhưng không chắc chắn. Thân, miệng, ý họ hành thiện, nhưng sau đó thân, miệng, ý lại hành pháp bất thiện, thân hoại mạng chung sinh vào địa ngục. Đó gọi là người ra khỏi nước rồi chìm lại.

Sao gọi là người nổi lên khỏi nước rồi nhìn xem? Ở đây, hoặc có người có tín thiện căn, nhưng hành vi của thân, khẩu, ý lại không làm tăng trưởng pháp này, tự thủ mà đứng yên, thân hoại mạng chung sinh vào A-tu-luân. Đó gọi là người ra khỏi nước mà nhìn.¹²

Sao gọi là người ra khỏi nước mà đứng? Ở đây, hoặc có người có lòng tin, tinh

¹¹. Pāli, Udakūpama (R. iv. 12). Hán, *Trung*, kinh 4.

¹². Hán dịch mục này khác thứ tự với Trung và Pāli: Đây là hạng người nổi lên rồi đứng yên được, không chìm trở lại.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

tấn dứt ba kết sử¹³, không thoái chuyển nữa, ắt đạt cứu cánh, thành đạo Vô thượng. Đó gọi là người ra khỏi nước mà đứng¹⁴.

Sao gọi là người muốn lợi khỏi nước? Ở đây, hoặc có người tín căn tinh tấn, lòng luôn hổ thẹn, với mỏng ba kết sử dâm, nộ, si. Trở lại đời này một lần nữa rồi đoạn trừ gốc khổ.¹⁵ Đó gọi là người định vượt khỏi nước.

Sao gọi là người muốn đến bờ kia? Ở đây, hoặc có người tín căn tinh tấn, dứt sạch năm hạ phần kết sử, thành A-na-hàm, không lại thế gian này nữa mà nhập Niết-bàn trên đó¹⁶. Đó gọi là người muốn đến bờ kia.

Sao gọi là người đã đến bờ kia? Ở đây, hoặc có người tín căn tinh tấn, mà có lòng hổ thẹn, dứt sạch hữu lậu thành vô lậu, ở trong hiện pháp, tự thân chứng ngộ, như thật biết rằng, sinh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh nữa, ở trong Niết-bàn giới vô dư mà Bát-niết-bàn. Đó gọi là người đã vượt qua bờ kia.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là có bầy dụ về nước và người, mà Ta vừa nói cho các ông. Điều mà chư Phật Thế Tôn cần làm để tiếp độ mọi người, nay Ta đã làm xong. Các ông hãy ở nơi yên tĩnh, hoặc dưới gốc cây, hãy nghĩ đến việc tọa thiền, chớ sinh biếng nhác. Đó là lời dạy của Ta.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

¹³. Pāli: Đắc Dự lưu.

¹⁴. Hán dịch mục này trái thứ tự với Trung và Pāli: Đây là hạng người ngoi lên khỏi nước rồi, đã đứng yên được, còn có thể quán sát.

¹⁵. Hạng chúng Nhất lai.

¹⁶. Trên Tịnh cư thiên.

KINH SỐ 4¹⁷

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Thánh vương cai trị nước xa xôi,¹⁸ nếu thành tựu bảy pháp, sẽ không bị kẻ thù, giặc cướp chiếm giữ.

Những gì là bảy?

1. Thành quách ấy rất cao, được sửa sang tề chỉnh. Đó gọi là vị vua kia thành tựu pháp thứ nhất.

2. Lại nữa, cổng thành kia chắc chắn. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ hai.

3. Lại nữa, ngoài thành kia có hào rất sâu rộng. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ ba.

4. Lại nữa, trong thành kia nhiều thóc gạo, kho lẫm chứa đầy ắp. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ tư.

5. Lại nữa, thành kia nhiều củi, cỏ. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ năm.

6. Lại nữa, thành kia nhiều cụ khí, gậy gộc, đầy đủ các chiến cụ. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ sáu.

7. Lại nữa, chủ thành kia rất thông minh, tài cao, dự biết tình người, đáng dùng roi thì dùng roi, đáng sửa trị thì sửa trị. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ bảy, cảnh ngoài không thể đến xâm chiếm.

Đó gọi là, này các Tỳ-kheo, chủ nước thành kia thành tựu bảy pháp, nên người ngoài không thể tiếp cận quấy nhiễu.

Ở đây, Tỳ-kheo cũng lại như vậy, nếu thành tựu bảy pháp thì tặc ma Ba-tuần không thể tùy tiện được. Những gì là bảy?

Ở đây, Tỳ-kheo thành tựu giới luật, đầy đủ oai nghi, phạm luật nhỏ còn sợ hướng gì là lớn. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ nhất này, tặc ác ma không thể tùy tiện được. Giống như thành kia cao rộng, rất nghiêm nhặt, không thể phá hoại.

Lại nữa, này Tỳ-kheo, khi mắt thấy sắc không khởi tưởng đắm, cũng không khởi niệm, nhãn căn đầy đủ, không thủ hộ nhãn căn không để khuyết thủng, rò rỉ;¹⁹ tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi niếm vị, thân xúc chạm, ý đối với pháp cũng lại như vậy, cũng không khởi tưởng, đầy đủ ý căn, mà không loạn tưởng, thủ hộ đầy đủ ý căn. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ hai này, tặc ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như thành quách kia cửa ngõ chắc chắn.

Lại nữa, Tỳ-kheo nghe nhiều không quên, thường nhớ nghĩ tư duy chánh pháp đạo giáo, những pháp đã nghe qua trước kia thấy đều thông suốt. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ ba này, tặc ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như bên ngoài thành quách kia có hào rất sâu và rộng.

Lại nữa, Tỳ-kheo có nhiều phương tiện²⁰, những pháp mà khoảng đầu thiện xảo, giữa thiện xảo, cuối cũng thiện xảo, thanh tịnh đầy đủ, hiển hiện phạm hạnh. Đó gọi là

17. Pāli, A.VII. 67. Nagara (R. iv. 105). Hán, Trung, kinh 3.

18. Hán: Viễn quốc 遠國. Trung: biên thành 邊城, thành trì ở biên địa. Pāli: Paccantimam nagaram.

19. Đoạn nói về phòng hộ căn môn, rải rác trong nhiều kinh, nhưng văn dịch không thống nhất.

20. Hán: Đa chư phương tiện 多諸方便, nên hiểu: Nhiều nỗ lực, tinh cần.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ tư này; như thành quách kia, nhiều lúa gạo, giặc ngoài không dám đến xâm lăng.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy về bốn pháp tăng thượng tâm²¹, cũng không rỉ thoát.²² Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ năm này, tỳ ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như thành quách kia, nhiều củi, cỏ, người bên ngoài không thể đến quấy nhiễu.

Lại nữa, Tỳ-kheo đắc bốn Thần túc, thực hiện không khó. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ sáu này, tỳ ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như trong thành kia đầy đủ vũ khí.

Lại nữa, Tỳ-kheo có thể phân biệt đầy đủ ấm, nhập, giới, cũng lại phân biệt pháp do mười hai nhân duyên phát sinh. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ bảy này, tỳ ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như chủ thành quách kia thông minh, tài cao, đáng bắt thì bắt, đáng thả thì thả.

Nay đây, Tỳ-kheo cũng lại như vậy, biết phân biệt đầy đủ các bệnh ấm, giới²³, nhập. Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp này, tỳ ma Ba-tuần không thể tùy tiện. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện phân biệt ấm, giới*, nhập và mười hai nhân duyên, đừng để mất thứ lớp, liền vượt cảnh ma, không có ở trong ấy nữa.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 5

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nay ta sẽ nói về bảy y chỉ xứ của thức²⁴, các ông hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

Các Tỳ-kheo đáp:

– Thưa vâng, Thế Tôn!

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Vì sao nó được gọi là bảy nơi ở thân thức? Chúng sinh với nhiều loại thân và nhiều loại tướng khác nhau, như người và trời.²⁵ Lại nữa, chúng sinh hoặc nhiều loại thân nhưng chỉ có một tướng, đó là trời Phạm-ca-di mới xuất hiện ở thế gian.²⁶ Lại nữa, chúng sinh một thân nhưng nhiều tướng, đó là trời Quang âm. Lại nữa, chúng sinh một thân, một tướng, đó là trời Biến tịnh. Lại nữa, chúng sinh vô lượng không, là trời Không xứ. Lại nữa, chúng sinh vô lượng thức, là trời Thức xứ. Lại nữa, chúng sinh vô hữu xứ, là trời Vô hữu xứ. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là bảy nơi thức trú. Nay Ta đã nói bảy thức xứ.

²¹. Túc tu bốn Thiên. Pāli: Catunnaṃ jhānaṃ ābhicetasikānaṃ.

²². Hán: Bất thoát lậu 不脫漏. Nên hiểu: Dễ chứng đạt, không khó. Pāli: Nikāmalābhī hoti akicchālābhī akasiralābhī.

²³. Nguyên Hán: Trì 持. Trên kia dịch là giới. Hán dịch bất nhất.

²⁴. Nguyên Hán: Thần chỉ xứ 神止處. Xem, *Trường*, kinh 9 (tr. 52a) Pāli, Cf. D.iii. tr. 253. Satta viññāṇaṭṭhitiyo.

²⁵. Hán dịch không xác định: Chỉ một phần chư Thiên túc Dục giới thôi.

²⁶. Hán: Sơ xuất thế gian, dịch không hết ý. Nên hiểu: Khi kiếp mới sáng thành.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Những điều mà chư Phật Thế Tôn cần làm để tiếp độ mọi người, nay Ta đã làm xong. Các ông hãy đến dưới bóng cây vắng vẻ, hãy khéo tu hạnh này, chớ có lười biếng. Đó là những lời dạy của Ta.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 6²⁷

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Vào lúc bấy giờ, Tôn giả Quân-đầu²⁸ thân mang bệnh nặng, nằm liệt giường, không thể tự ngồi dậy. Khi ấy, Quân-đầu nghĩ: “Hôm nay không được Thế Tôn Như Lai rủ lòng thương xót. Ta đang gặp bệnh nặng, không còn sống bao lâu nữa. Thuốc thang không tiếp. Lại nghe Thế Tôn nói: “Còn một người chưa độ, Ta quyết không bỏ.” Song nay chỉ một mình ta bị bỏ rơi. Còn khổ nào hơn!

Bấy giờ, Thế Tôn dùng Thiên nhĩ nghe được lời oán trách của Tỳ-kheo Quân-đầu. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông hãy tụ họp đến chỗ Tỳ-kheo Quân-đầu, hỏi thăm bệnh Tỳ-kheo ấy.

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa vâng, Thế Tôn!

Rồi, Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo đi lần đến phòng Tỳ-kheo Quân-đầu. Quân-đầu từ xa nhìn thấy Như Lai đến, liền tự gieo mình xuống đất. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Quân-đầu:

–Nay ông mang bệnh rất là nặng, không cần xuống giường. Ta tự có chỗ ngồi.

Thế Tôn bảo Quân-đầu:

–Bệnh của ông tăng hay giảm, hay không tăng giảm? Ông có thể nghe Ta dạy được không?

Lúc ấy, Tỳ-kheo Quân-đầu bạch Phật:

–Bệnh hôm nay của đệ tử rất nặng, chỉ có tăng, không có giảm. Thuốc uống không thấm vào đâu.

Thế Tôn hỏi:

–Người chăm sóc bệnh là ai vậy?

Quân-đầu bạch:

–Các vị phạm hạnh đến, gặp thì chăm sóc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Quân-đầu:

–Nay ông có thể nói cho Ta nghe bả Giác ý không?

Bấy giờ, Quân-đầu nêu tên bả Giác ý ba lần:

–Nay con có thể ở trước Như Lai nói pháp bả Giác ý.

Thế Tôn bảo:

–Nếu có thể nói cho Như Lai nghe thì cứ nói.

Quân-đầu bạch Phật:

²⁷. Pāli, S. 46. 16 Gilāna (3) (R.v. 81).

²⁸. Quân-đầu. Pāli: Mahā-Cunda. Nhưng, bản Pāli nói Đức Phật bệnh, và Cunda làm thị giả chăm sóc bệnh, chứ không phải Cunda bệnh.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Bảy Giác ý. Những gì là bảy? Như Lai đã nói, đó là niệm giác ý, pháp giác ý, tinh tấn giác ý, hỷ giác ý, khinh an* giác ý, định giác ý, xả* giác ý. Bạch Thế Tôn, gọi là có bảy Giác ý này, chính là như vậy.

Sau khi Tôn giả Quân-đầu nói những lời này xong, mọi bệnh tật đều được trừ khỏi, không còn khổ não.²⁹ Bấy giờ, Quân-đầu bạch Thế Tôn:

–Hiệu nghiệm nhất trong các thứ thuốc, đó chính là pháp bảy Giác ý này. Muốn nói là thuốc hay nhất không qua bảy Giác ý này. Con nhờ tư duy về bảy Giác ý mà bệnh gì cũng khỏi cả.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông thọ trì pháp bảy giác ý này, khéo nhớ phúng tụng, chớ có hồ nghi đối với Phật, Pháp, Tăng. Mọi bệnh hoạn của chúng sinh kia được trừ khỏi. Vì sao? Vì bảy Giác ý này rất khó lường hết, nhưng nhờ đó tất cả các pháp đều được thấu rõ, hết thảy các pháp đều được soi sáng. Cũng như thuốc hay chữa trị hết thảy các bệnh. Giống như cam lồ ăn không biết chán. Nếu không được bảy Giác ý này, các loài chúng sinh sẽ trôi lăn sinh tử. Các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện tu bảy Giác ý.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

²⁹. Bản Pāli: Phật bảo Cunda nói bảy Giác chi. Cunda nói xong, Phật khỏi bệnh.